

## NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

# VAI TRÒ CỦA CHỮ KATAKANA TRONG CẤU TẠO THUẬT NGỮ TIẾNG NHẬT

## ROLE OF THE KATAKANA LETTERS IN THE FORMATION OF JAPANESE TERMS

HOÀNG ANH THI

(PGS.TS; Trường Đại học KHXH &amp; NV, ĐHQG Hà Nội)

**Abstract:** Katakana terms accounts for the number of increasingly more in Japanese language, especially in science and technology terminology. That are the terms is derived from foreign languages which are mostly from English, are transcribed in Katakana. Structure of Katakana terms is very diverse, can include Katakana, and also can be combined with Chinese letters (Kanji), Japanese letters (Hiragana). The Katakana terms cause some problems for users because of the mismatch between the original terms with transcribed terminology, both in phonetic as well as semantically. However, the use of Katakana letter to transcribe foreign terms in Japanese is undeniable advantages. Katakana is a Japanese tool to reach new scientific concepts quickly and uniformly.

**Key words:** Japanese terms; Katakana terms; disproportionate; advantage of Katakana letters.

### 1. Đặt vấn đề

Song song với sự phát triển kinh tế, khoa học kĩ thuật của Nhật Bản, thuật ngữ trong ngôn ngữ này cũng phát triển ngày càng đa dạng, phức tạp. Mặc dù thuật ngữ là lớp từ vựng thường xuyên có sự tiếp xúc vay mượn nhiều nhất giữa các ngôn ngữ, nhưng thuật ngữ trong tiếng Nhật và tiếng Việt có đặc trưng riêng, con đường hình thành, và phương thức cấu tạo khác nhau. Chẳng hạn, thuật ngữ *socio-linguistics* trong tiếng Việt có cấu tạo tương ứng (bằng yếu tố Hán Việt) là *ngôn ngữ học xã hội/xã hội ngôn ngữ học*. Tuy nhiên, với thuật ngữ *メタファー* (metaphor), có tương ứng tiếng Việt là *ẩn dụ*, hai ngôn ngữ lại có phương thức cấu tạo khác nhau: bằng Katakana (tiếng Nhật) và yếu tố Hán Việt (tiếng Việt). Như vậy, nếu như phương thức tạo thuật ngữ bằng yếu tố Hán Việt là điểm chung của hai ngôn ngữ thì phương thức sử dụng Katakana là điểm riêng của tiếng Nhật.

### 2. Đặc điểm cấu tạo thuật ngữ bằng chữ Katakana trong tiếng Nhật

**2.1.** Theo các học giả của Viện Quốc ngữ Nhật, thuật ngữ /từ chuyên môn (trong tiếng Nhật có những cách gọi: 専門用語・専門語・用語・科学用語) là những từ ngữ biểu thị sự vật, khái niệm trong các lĩnh vực chuyên môn. Chúng có đặc trưng của từ vựng nói chung, đồng thời, chúng mang những đặc trưng riêng mà chỉ các nhà chuyên môn hiểu và sử dụng [国立国語研究所『一般向け専門用語』抽出の試み—医療用語を例]. Nói tới thuật ngữ không thể không nói tới từ vay mượn, bởi vì khá nhiều thuật ngữ trong các ngôn ngữ có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài, nói cách khác, một số lượng lớn thuật ngữ cũng thuộc lớp từ vay mượn.

Vậy từ vay mượn là gì? Theo *Đại từ điển Ngôn ngữ học*, từ vay mượn trong tiếng Nhật *không bao gồm từ Hán*, đó là những từ có nguồn gốc châu Âu do quá trình tiếp xúc đã đi vào tiếng Nhật, như tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Hà Lan thời xưa, là từ ngữ có nguồn gốc Âu Mỹ (thời Minh Trị đến nay) [dẫn theo 岡本佐智子]. Và những từ vay mượn này được kí hiệu bằng một loại chữ đặc biệt của tiếng Nhật là chữ Katakana.

Hầu hết từ vay mượn trong tiếng Nhật có nguồn gốc từ tiếng Anh, tuy không phải hoàn toàn chỉ có từ gốc Anh. Theo một kết quả thống kê, từ Katakana sử dụng trong quảng cáo ở các kênh truyền hình Nhật là: Từ Katakana gốc Anh: 73,33%; Từ Katakana tự tạo: 21,11%; Từ Katakana từ các ngôn ngữ khác: 4,44%; Từ Katakana các kiểu khác: 1,11% [Yuko Igarashi].

Cũng như từ vay mượn nói chung, thuật ngữ tiếng Nhật có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài được viết bằng chữ Katakana, gọi là thuật ngữ Katakana. Bởi vậy, Katakana giữ vai trò hết sức quan trọng trong cấu tạo thuật ngữ tiếng Nhật. Theo từng lĩnh vực, số lượng thuật ngữ chứa Katakana nhiều ít khác nhau, nhưng có thể khẳng định, không có lĩnh vực nào không có thuật ngữ chứa Katakana. Ví dụ, *thuật ngữ luật* có khoảng 21% đơn vị chứa Katakana (中川健司), còn theo điều tra trong bài viết của nhiều tác giả, *thuật ngữ kiến trúc* có 34,12%, đặc biệt *thuật ngữ tin học* lên tới 61,29% [水本日光美, 池田降介, 平山義側]

Thuật ngữ Katakana gồm 5 công thức như sau:

- Chỉ bao gồm (một hoặc nhiều) chữ Katakana, ví dụ: モダリティ (modality - thuật ngữ ngôn ngữ học), アスペクト (aspect - thuật ngữ ngôn ngữ học), コンピュータ・サイエンス (computer science - thuật ngữ công nghệ thông tin)...

- Hỗn hợp Katakana và Hán Nhật, ví dụ: カタカナ語 (từ Katakana - thuật ngữ ngôn ngữ học), 修飾のスコープ (scope of modification - thuật ngữ ngôn ngữ học), トリチウム増殖ブランケット (tritium breeding blanket - thuật ngữ y học)...

- Katakana và thuần Nhật, ví dụ: エネルギー閉じ込め (energy confinement - thuật ngữ năng lượng - nguyên tử)...

- Katakana với thuần Nhật và Hán Nhật, ví dụ: エネルギー閉じ込め時間 (energy

confinement time - thuật ngữ năng lượng - nguyên tử)...

- Katakana và viết tắt Romaji, ví dụ: D-T プラズマ (MHD stability - thuật ngữ kỹ thuật điện tử)

2.2. Về nguyên tắc phiên âm thuật ngữ bằng Katakana, nhìn chung, cũng như chính sách phiên âm trong tiếng Việt, trong tiếng Nhật, phương châm đối với phiên âm thuật ngữ nói riêng, từ nước ngoài, từ vay mượn hoặc tên người, tên địa danh nước ngoài nói chung là: 1) Những đơn vị tuy có khác biệt với nguyên ngữ nhưng đã hình thành cách dùng ổn định, quen thuộc thì ưu tiên cách dùng ổn định quen thuộc; 2) Những đơn vị chưa có cách dùng ổn định quen thuộc thì phải chú trọng *phiên âm sát với nguyên ngữ* (放送用語委員会 (東京)).

2.3. Như đã thấy, Katakana có vai trò hết sức quan trọng trong cấu tạo thuật ngữ tiếng Nhật. Vai trò của Katakana được thể hiện thành chủ trương trong chính sách ngôn ngữ của Nhật, chứ không chỉ là sự vay mượn và sử dụng tự phát: một trong ba mũi nhọn của chính sách ngôn ngữ do Viện Quốc ngữ bàn soạn và cố vấn cho chính phủ vào năm 2000 là “*khuyến khích thu nhận và sử dụng Katakana với từ ngoại lai chủ yếu từ tiếng Anh, hơn là dùng chữ Hán*”. Điều này được giải thích là không vì nguyên nhân chính trị hay kinh tế, mà đơn giản chỉ là để tận dụng số lượng đồ sộ thuật ngữ khoa học từ tiếng Anh (Reiko Hatori).

Tuy nhiên, việc sử dụng Katakana trong tiếng Nhật nói chung và xây dựng thuật ngữ nói riêng cũng có những vấn đề chủ quan và khách quan, thể hiện sự bất hợp lý và gây khó khăn cho việc tiếp nhận.

*Khó khăn thứ nhất* là số lượng quá lớn của thuật ngữ Katakana. Có thực tế là số lượng từ vay mượn nói chung (trong đó có thuật ngữ) của tiếng Nhật ngày càng tăng. Theo 岡本佐智子, số lượng từ chứa Katakana trong tiếng Nhật ngày càng nhiều, gây phản ứng trái chiều trong xã hội Nhật: 17,1% số người được hỏi trả lời là họ hay gặp khó khăn với chúng, 37,5% trả lời thỉnh

*thoảng gặp khó khăn*, và 34,4% còn lại cũng trả lời là *có gặp khó khăn* (kết quả điều tra của Bộ Văn hóa Nhật năm 1997, dẫn theo 岡本佐智子). Như vậy có tới hơn 90% người gặp khó khăn ở mức độ nào đó với từ Katakana khi họ phải tiếp nhận một lượng thuật ngữ/ từ Katakana tăng nhanh như vũ bão, nhưng lại ít thông dụng trong cuộc sống thường nhật.

*Khó khăn thứ 2* có nguyên nhân không giống nguyên nhân cơ học nói trên, mà là nguyên nhân thuộc về ngôn ngữ. Đây là khó khăn của riêng người Nhật, vốn quen tiếp nhận nghĩa thể hiện qua chữ Hán, mỗi chữ tải 1 nghĩa. Nhưng Katakana lại không truyền tải nghĩa mà chỉ là công cụ ghi lại âm thanh, và những âm thanh này mới truyền tải nghĩa. Cách tiếp nhận nghĩa qua thính giác như thế khiến cho nhiều người Nhật không tránh khỏi cảm thấy bối rối. Nó có thể ví như cảm giác khó nắm bắt khi người ta chỉ nghe thấy tiếng nói của một người mà không được nhìn mặt. Có lẽ đặc điểm sử dụng đồng thời nhiều hệ chữ là một đặc trưng rất riêng của tiếng Nhật, trong đó có cả loại chữ biểu ý (Hán tự) và chữ biểu âm (Katakana), khác với trường hợp Việt Nam và Hàn Quốc. Cho dù trong lịch sử, Việt Nam thậm chí cũng có thêm kiểu chữ khác là chữ Nôm, nhưng đó cũng là chữ biểu ý. Còn Hàn Quốc hiện nay đã chuyển sang sử dụng chữ Hangul, là loại chữ biểu âm, giống như chữ quốc ngữ của tiếng Việt.

*Khó khăn thứ tư*, đối với người nước ngoài, khó khăn càng thêm chồng chất, do khác biệt giữa ngữ âm tiếng Nhật với các ngôn ngữ là tiếng mẹ đẻ của người học, không loại trừ tiếng Anh, thứ ngôn ngữ có nhiều thuật ngữ được vay mượn nhất. Nói chính xác là, chính người nói tiếng Anh cũng rất khó có thể nhận diện được từ tương ứng trong tiếng mẹ đẻ của mình khi nhìn vào phiên âm Katakana.

Như thể hiện ở điều 2 trong phương châm phiên âm Katakana nói trên, cần “chú trọng phiên âm sát với nguyên ngữ” đối với các đơn vị chưa có trong tiếng Nhật. Thế nhưng tiếng Nhật chỉ có 5 nguyên âm đơn あ, い, う, え, お (a,

i, u, e, o) và 3 bán phụ âm や, ゆ, よ (ya, yu, yo) tham gia vào cấu tạo âm tiết, và các nguyên âm này phải phiên âm được mọi nguyên âm trong các ngôn ngữ khác. Một ví dụ đơn giản và quen thuộc là từ “phở” của tiếng Việt phiên âm sang tiếng Nhật thành フォー (phoo), và đây cũng chính là phiên âm của phở, phớ, phố,... chưa kể các biểu hiện của 6 thanh điệu. Như vậy, gánh nặng phiên âm đặt lên các nguyên âm của tiếng Nhật có thể nói là “nhiệm vụ bất khả thi”. Hay nói ngược lại, các nguyên âm, phụ âm và âm tiết trong nguyên ngữ (tiếng Anh) buộc phải gò vào hệ thống ngữ âm của tiếng Nhật. Bởi vậy, thuật ngữ Katakana có vấn đề bất tương xứng với nguyên ngữ và thiếu nhất quán trong chính tiếng Nhật.

- Bất tương xứng về tính chất âm tiết: Do chỗ âm tiết tiếng Nhật là âm tiết mở nên các âm tiết vốn mang tính chất đóng trong thuật ngữ nước ngoài khi vào tiếng Nhật đã trở nên “mở” bằng cách thêm nguyên âm “o/u” vào phụ âm kết thúc, chẳng hạn, internet sẽ thành インターネット (in-ta-net-to), model thành モデル (mo-de-ru), download thành ダウンロード (da-un-rou-do)...

- Bất tương xứng về nguyên âm đơn: Nguyên âm “a” trong tiếng Nhật sẽ tương ứng với cả a và ơ trong các ngôn ngữ khác: marker -> マーカー (maa-kaa)...

- Bất tương xứng về phụ âm: Chẳng hạn r trong tiếng Nhật sẽ tương ứng với cả r và l (インフレ in-phu-re= inflation); b tương ứng với cả b và v (イベント i-ben-to= event)...

- Bất tương xứng về nghĩa của thuật ngữ cũng xảy ra như với từ vay mượn bình thường: Có thể đó là thuật ngữ Katakana tự tạo của tiếng Nhật (theo Yuko Igarashi thì các từ này cũng chiếm con số không nhỏ: 21,11%), vốn không có nghĩa giống như vậy trong nguyên ngữ, ví dụアフターサービス (a-fu-taa saa-bi-su = after service) với nghĩa thuật ngữ là “hậu mãi”, thực ra là không có trong tiếng Anh.

- Thiếu nhất quán

Thứ nhất, trong cách phiên âm bán phụ âm đôi:

Điều này hay xảy ra khi phiên âm các tổ hợp Wi, We, Wo. Theo bài công bố của Hội đồng thẩm tra thuật ngữ truyền thông Tokyo, hiện nay tồn tại 3 cách viết:

+ Cách viết Wi, We, Wo (ウイ, ウェ, ウォ) gắn với nguyên ngữ, ví dụ Thụy Điển thành スウェーデン Su-ue-den.

+ Cách viết thông dụng UI, UE, UO (ウイ, ウェ, ウォ), ví dụ ウイスキー U-i-su-kii (Whisky).

+ Cách viết theo thói quen Wi thành I, ví dụ スイッチ (switch).

Thứ hai, trong cách phiên âm dài - ngắn:

Việc phiên âm thành âm dài hay ngắn cũng là điểm không thống nhất. Chẳng hạn, thuật ngữ viễn thông “user” có 2 cách phiên âm: ユーザ (yuuzā) hay ユーザー (yuuzaa), コンピューター (compiuutaa - “u” và “a” dài) và コンピューター (compiuuta - “u” dài và “a” ngắn).

Thêm vào đó, việc Nhật hóa (tự tạo, rút ngắn, biến đổi từ loại - động từ hóa...) thuật ngữ/ từ nước ngoài) cũng làm cho diện mạo thuật ngữ tiếng Nhật, tuy phong phú nhưng không tránh khỏi rối loạn. Một ví dụ của việc rút ngắn là “inflation” trong tiếng Anh thành インフレ (in-fu-re) trong tiếng Nhật, còn ví dụ hiện tượng động từ hóa khá quen thuộc là “down load” của tiếng Anh sang tiếng Nhật thành ダウンロード する (da-un-roo-do suru)...trong đó suru là đuôi động từ (có nghĩa là “làm”).

Cũng cần nói thêm về đặc điểm của chữ Katakana là nhỏ, gọn, khác với chữ Hán hay chữ Hiragana, nhưng có khá nhiều kí tự tương đối giống nhau dễ gây nhầm lẫn, nhất là với người mới làm quen với hệ thống kí tự này. Ví dụ ソ (so) và シ (N = m, n, ng), コ (ko) và ユ (yu), カ (ka của Katakana) và 力 (ryoku, “lực” của Hán tự)...

Ngoài những điều nói trên còn phải nói thêm một khó khăn nữa đối với người nước ngoài học tiếng Nhật. Đó là, Katakana không chỉ dùng để

phiên âm từ vay mượn mà còn được dùng để viết những từ ngữ thuần Nhật: từ tượng thanh tượng hình (ペラペラ perapera, スベスベ subesube), thậm chí là dùng để thay thế cho Hiragana trong trường hợp muốn nhấn mạnh, làm nổi bật, gây ấn tượng thị giác, ví dụ: (心 - ころ -> ココロ). Không có dấu hiệu nào cho biết từ Katakana đó là từ vay mượn, hay là từ thuần Nhật.

5. Bất chấp những hạn chế đã được các học giả phân tích, thật đáng ngạc nhiên là, trái với đánh giá trên, trong ý kiến của người sử dụng cũng có ý kiến rằng: cần chuyển các thuật ngữ được viết bằng chữ Hán khó đọc sang chữ Katakana, vì có như vậy họ mới đọc được. Khi phát hiện được ý kiến đó, ban đầu người viết bài này hết sức bất ngờ, nhưng xem xét kĩ thì thấy nó hoàn toàn có lí. Hãy hình dung nếu người bệnh gặp tên thuốc được viết bằng Hán tự khó, hiếm gặp, thì họ làm thế nào: chữ khó, lại hiếm gặp thì đương nhiên nghĩa không hiểu được, lại thêm âm cũng không đọc được nốt. Vấn đề thú vị này được bắt gặp ở nhiều diễn đàn chia sẻ, trong đó có diễn đàn bằng tiếng Anh, với thành viên người Âu-Mĩ. Sự tranh luận xảy ra ở diễn đàn nói về thuật ngữ IT, rằng vì sao số lượng thuật ngữ Katakana nhiều đến vậy? Tại sao không sử dụng chữ Hán chuyển dịch ra tiếng Nhật? Những ý kiến của các thành viên nêu ra có mặt tâm lí-xã hội của nó, chẳng hạn, coi việc dùng nguyên từ tiếng Anh với phiên âm Katakana là một thời thượng..., nhưng dưới cách nhìn chuyên môn, chúng tôi muốn nhấn mạnh nguyên nhân ngôn ngữ của hiện tượng này.

Việc tăng thuật ngữ Katakana mà không chuyển dịch nghĩa bằng chữ Hán có lí do của nó.

Thứ nhất, chính sách giảm chữ Hán tăng Katakana trong từ vay mượn được áp dụng từ sau thế chiến II là lí do không chỉ khiến Katakana tăng nhanh mà nó còn là nguyên nhân làm cho chính người Nhật không còn thành thạo chữ Hán như thời Minh Trị (là thời kì đánh dấu sự Âu hóa của xã hội Nhật), không thể ghép chữ Hán tạo thành từ/ thuật ngữ một cách nhuần nhuyễn như thời trước. Theo đó việc chuyển dịch thuật ngữ/ từ vay mượn bằng các tổ hợp chữ Hán là không

khả thi (Kabashima và Shibata, dẫn theo của Yuko Ishigawa). Nhưng lại cũng có ý kiến cho rằng sở dĩ không cho chuyển dịch thuật ngữ sang chữ Hán chính là vì người Nhật thời kì này đã kém sử dụng chữ Hán so với thời Minh Trị nên không thể dịch được. Như vậy, nếu có thể nói về sự tương đồng chính trị - xã hội của thời kì này so với thời Minh Trị ở trào lưu thân Mỹ, tăng cường du nhập văn hóa Âu Mỹ, thì, về ngôn ngữ, nó lại khác thời Minh Trị ở chính sách giảm dùng chữ Hán để tăng từ vay mượn gốc Anh và phiên âm trực tiếp bằng Katakana.

Riêng Kabashima còn nêu thêm một lí do, cũng tỏ ra không kém phần hợp lí. Đó là, trong thời kì hiện đại, nhờ sự hỗ trợ của khoa học kĩ thuật, người ta có thể thu nhận thông tin nhanh chóng và nhiều đến mức không còn đủ thời gian để ngẫm dịch chúng sang từ Hán Nhật. Thực ra, điều này không bất ngờ, vì có vẻ như nó là một xu hướng chung không chỉ trong tiếng Nhật. Theo Hà Quang Năng, hiện tượng này cũng đang xảy ra trong tiếng Việt: "... nhiều thuật ngữ nước ngoài đã thâm nhập, đã có mặt trong hệ thống thuật ngữ tiếng Việt. Các thuật ngữ này có số lượng ngày càng nhiều, đặc biệt trong các ngành khoa học kĩ thuật - công nghệ và khoa học tự nhiên" (tr.136).

Thêm vào đó, việc chuyển dịch thuật ngữ sang chữ Hán khó mà thực hiện bằng cách ghép các chữ Hán trong bảng Hán Nhật thông dụng (1945 chữ Hán do Chính phủ Nhật ban hành năm 1981). Nói cách khác, danh sách những Hán tự này không đủ để tạo ra những khái niệm phức tạp trong các lĩnh vực khoa học.

Những bất lợi của việc chuyển dịch thuật ngữ bằng Hán tự thực ra, theo chúng tôi, còn sâu xa hơn nữa. Nếu nói rằng phải có Hán tự phức tạp để thể hiện được nghĩa thuật ngữ phức tạp thì có thể bổ sung thêm cho danh sách 1945 Hán tự, (như danh sách bổ sung ban hành năm 2010). Tuy nhiên, vấn đề không phải ở chỗ thiếu hay không thiếu, vì cho dù danh sách Hán tự có được bổ sung đi chăng nữa thì khi chuyển dịch thuật ngữ, người Nhật vẫn phải theo quy tắc âm, nghĩa của tiếng Nhật chứ không phải âm, nghĩa của

Hán tự trong tiếng Hán: lấy 1 Hán tự để biểu thị 1 khái niệm mới hoàn toàn là vấn đề của nội bộ tiếng Nhật, chứ không phải là vấn đề của Hán ngữ (cũng giống như từ Hán Việt do người Việt tạo ra). Vậy thì nó trở lại bản chất không khác gì việc phiên âm Katakana, đó là: âm, nghĩa của thuật ngữ là do người Nhật gán cho kí tự, chứ chưa chắc là nghĩa của kí tự trong nguyên ngữ. Như vậy, giữa việc đau đầu tìm ra chữ Hán thể hiện được nghĩa thuật ngữ và việc dùng luôn nguyên ngữ, chỉ cần phiên âm cho chính xác, bất chấp nó đúng ngữ pháp trong nguyên ngữ hay không, thì rõ ràng là cách thứ 2 tỏ ra tiện dụng và ít tốn thời gian hơn nhiều.

Và thêm nữa, không thể không nói tới hiện tượng xã hội có ảnh hưởng quan trọng trong lựa chọn này: đối tượng sử dụng thuật ngữ Katakana hiện đại là ai, nếu không phải là lớp người trẻ tuổi, vốn quen với kí tự phiên âm mang nghĩa trực tiếp hơn là Hán tự đã thuộc về lớp người lớn tuổi. Mặc dù cũng có trào lưu bài xích từ Katakana (điển hình là cựu thủ tướng Junichiro Koizumi, trái ngược với thói quen ưa dùng của thủ tướng đương nhiệm Shinzo Abe), làn sóng Katakana có thể coi là vẫn đang chiếm thế thượng phong, thể hiện ở con số từ và thuật ngữ Katakana tăng lên hàng năm, đi kèm với nó là sự ra đời nối tiếp nhau của từ điển Katakana. Thậm chí, nếu có sự cạnh tranh giữa 1 biến thể thuật ngữ bằng Hán tự và một biến thể Katakana thì có vẻ như biến Katakana sẽ thắng thế, vì lí do ngắn gọn hơn, mang phong vị "quốc tế" hơn, thậm chí như là uyển ngữ để né tránh những vấn đề tế nhị. Chẳng hạn, IC thay cho 集積回路 (shuu-se-ki kai-ro = chip điện tử), デレゲーション (de-re-gee-shon = delegation) thay cho 選手団, ヘア (he-ya = hair) thay cho 陰毛...

### 3. Thay cho kết luận

Trên đây, chúng tôi nêu ra một cách sơ lược những vấn đề nảy sinh trong phiên âm thuật ngữ bằng Katakana. Tuy nhiên, không thể phủ nhận là Katakana mang lại cho hệ thống thuật ngữ tiếng Nhật sự ổn định, hầu như là nhất quán, là cái mà thuật ngữ tiếng Việt hiện nay đang rất

cần. Càng nhìn nhận điều này, chúng tôi càng nhận thấy cần điều tra, nghiên cứu vấn đề này sâu sắc và toàn diện hơn nữa, một mặt là giới thiệu diện mạo phiên âm thuật ngữ vay mượn của tiếng Nhật với học giả Việt Nam, tiến tới có thể học tập chính sách, quy tắc phiên âm sao cho phù hợp với xã hội Việt và nhất là đặc điểm ngôn ngữ của tiếng Việt. Mặt khác, miêu tả những vấn đề nảy sinh trong thuật ngữ Katakana, chúng tôi cũng nhằm tới đích giảng dạy tiếng Nhật ở Việt Nam. Bởi vậy, chúng tôi hi vọng sẽ trở lại vấn đề này trong tương lai.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Bích Hà (2004), *Đặc điểm cấu tạo thuật ngữ thương mại Nhật - Việt*, NXB KHXH.
2. Reiko Hatori (2005), *A policy on language education in Japan: beyond nationalism and linguisticism*, *Second language study* 23 (2).
3. Yuko Igarashi (2004), *The changing role of Katakana in the Japanese writing system: Processing and oedagogical dimensions for native speaker and foreign learner*, Linguistics Dissertation, University of Victoria.
4. Hà Quang Năng (2012), *Thuật ngữ học - Những vấn đề lí luận và thực tiễn*, NXB Từ điển Bách khoa.
5. 望月道子『基本語化を考慮したカタカナ外来語の学習として教材開発』外国語学部紀要 第6号 (2012年3月).
6. 国立国語研究所『一般向け専門用語』抽出の試み - 医療用語を例に -
7. [http://www.ninjal.ac.jp/byoin/tyosa/corpus/zuhyo/corpus\\_siryu2.pdf](http://www.ninjal.ac.jp/byoin/tyosa/corpus/zuhyo/corpus_siryu2.pdf)
8. 中川健司『介護用語におけるカタカナ語の様相』第15回専門日本語教育学会研究討論会誌.
9. [http://stje.kir.jp/download/15STJE\\_discussion.pdf](http://stje.kir.jp/download/15STJE_discussion.pdf)
10. 放送用語委員会 (東京) 『外来語の表記・発音について「ウイ・ウエ・オイかウイ・ウェ・ウィ」か』.
11. <http://www.nhk.or.jp/bunken/summary/kotoba/yougo/pdf/091.pdf>
12. 岡本佐智子『外来語の受容と管理: 言語政策の視点から』.
13. <http://libro.dobunkyo-dai.ac.jp/research/pdf/treatises05/05OKAMOTOa.pdf>
14. 小西修、宮原昭、大林治夫、川村孝式『プラズマ・核融合研究分野の専門用語体系化にむけて』融合研究 第65巻第4号 1991.
15. 水本日光美、池田降介、平山義側... 『カタカナ語を含む専門用語の特徴』  
[http://stje.kir.jp/download/07\\_35.pdf](http://stje.kir.jp/download/07_35.pdf).
16. 山田恵美子、松本裕治『専門用語の内部構造解析』言語処理学会 第15回年次大会発表論文集 (2009年3月).
17. 三省堂『言語学大辞典』2009年10月.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 26-04-2014)